

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 25/08/2026 | Ngày phản biện: 26/08/2026 | Ngày xuất bản: 22/09/2026

Tác giả: Nguyễn Thị Huệ (Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh)

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với tiến trình phát triển bền vững (PTBV) trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Bài viết làm rõ khái niệm BĐKH, PTBV, và mối quan hệ giữa BĐKH và PTBV, phân tích thực trạng ảnh hưởng của BĐKH đối với PTBV ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến nay trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp thích ứng với BĐKH nhằm thực hiện mục tiêu PTBV trong kỷ nguyên mới của Việt Nam hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện đại, BĐKH không còn là những dự báo xa xôi mà đã trở thành hiện thực khách quan tàn khốc, tác động sâu sắc và toàn diện đến mọi mặt đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu. Đối với Việt Nam, vấn đề này càng trở nên cấp bách, như Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập I, tr.80) Điều này đang ảnh hưởng nghiêm trọng tới mục tiêu PTBV ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, phát triển bền vững được xác định là định hướng lớn, xuyên suốt trong mục tiêu và mô hình phát triển đất nước giai đoạn mới. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu “phát huy tự chủ chiến lược, xác lập mô hình phát triển mới, lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập I, tr.26). Quan điểm trên cho thấy, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu hướng tới mà còn là yêu cầu xuyên suốt của quá trình phát

triển, trong đó phát triển nhanh phải gắn với ổn định và bảo đảm tính bền vững lâu dài. Điều này đòi hỏi phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng, yêu cầu đó càng trở nên cấp thiết, bởi BĐKH đang tác động trực tiếp và đồng thời đến cả ba trụ cột của PTBV.

Thực tiễn cho thấy, BĐKH đang đặt ra nhiều thách thức đối với quá trình PTBV ở Việt Nam trên cả ba phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Vì vậy, việc phân tích những ảnh hưởng của BĐKH tới PTBV là cần thiết, làm cơ sở đề xuất các giải pháp thích ứng phù hợp nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Đại hội XIV.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đồng thời, sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu từ các dữ liệu thứ cấp và các văn bản pháp quy, các báo cáo tổng kết, các công trình khoa học đi trước và số liệu thống kê từ các cơ quan hữu quan. Bài viết cũng sử dụng phương pháp đọc tài liệu, phương pháp logic, thống kê, quy nạp, diễn dịch từ các số liệu thứ cấp để đánh giá thực trạng BĐKH và ảnh hưởng của BĐKH tới mục tiêu PTBV ở Việt Nam hiện nay, từ đó, bài viết gợi ý một số giải pháp cơ bản thích ứng với BĐKH vì mục tiêu PTBV ở Việt Nam thời gian tới.

Cơ sở lý luận của bài viết là quan điểm, chủ trương của Đảng, đặc biệt là quan điểm của Đại hội XIV, chính sách pháp luật của Nhà nước về BĐKH và PTBV. Đối tượng nghiên cứu là thực trạng ảnh hưởng của BĐKH tới mục tiêu PTBV (trên 3 nội dung chính là kinh tế, xã hội, môi trường) tại Việt Nam hiện nay. Phạm vi không gian, bài viết nghiên cứu trên cả nước Việt Nam. Phạm vi thời gian, bài viết lấy số liệu chủ yếu trong thời gian từ 2011 đến nay.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và mối quan hệ

Có nhiều quan niệm khác nhau về BĐKH dưới những cách tiếp cận khác nhau. Theo Công ước khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH: “BĐKH là sự thay đổi của khí hậu do hoạt động của con người trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và sự dao động khí hậu tự nhiên quan sát thấy trong các khoảng thời gian có thể so sánh được” (UNFCCC, 1992, Điều 1, Khoản 2). Theo Luật Khí tượng Thủy văn 2015: “Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan” (Luật Khí tượng Thủy văn, 2015, tr.2). Từ đây có thể hiểu, BĐKH là quá trình thay đổi lâu dài của hệ thống khí hậu Trái Đất, thể hiện qua sự biến đổi của nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến BĐKH, nhưng theo nhiều nhà khoa học cả ở Việt Nam và trên thế giới đều khẳng định chủ yếu là do các hoạt động của con người đã làm “gia tăng đáng kể lượng khí nhà kính phát thải vào khí quyển, trong đó có bốn loại khí nhà kính chính: carbon dioxide (CO_2), methan (CH_4), nitơ oxit (N_2O) và các halocarbon” (Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thái Lan, 2022, tr.20). Các yếu tố tự nhiên như núi lửa hay biến thiên Mặt Trời cũng góp phần gây BĐKH nhưng nhỏ hơn nhiều.

Tại Việt Nam, BĐKH biểu hiện rõ qua sự gia tăng nhiệt độ, biến động lượng mưa, gia tăng thiên tai cực đoan như bão nhiệt đới, lũ bất thường, hạn hán, xâm nhập mặn và nước biển dâng. Nguyên nhân BĐKH ở Việt Nam chủ yếu xuất phát từ hoạt động của con người, phụ thuộc vào than đá và nhiên liệu hóa thạch để sản xuất điện, phá rừng để lấy đất nông nghiệp và đô thị hóa, cùng với phát thải từ giao thông và nông nghiệp.

Khái niệm “PTBV” được cộng đồng quốc tế chính thức đề cập và phổ biến rộng rãi trong Báo cáo Brundtland (năm 1987). Theo báo cáo này, PTBV được hiểu là “sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (WCED, 1987, tr.43). Quan niệm này thể hiện tư duy phát triển mang tính dài hạn, nhấn mạnh sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định, lâu dài của nhân loại. Tiếp đó, trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV, Liên Hợp Quốc đã cụ thể hóa nội dung PTBV thông qua 17 Mục tiêu PTBV (SDGs), hướng tới xóa đói giảm

nghèo, bảo vệ hành tinh và bảo đảm cuộc sống hòa bình, thịnh vượng cho mọi người.

Tại Việt Nam, Quyết định 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV Việt Nam đến năm 2030. Quyết định đưa ra lộ trình cụ thể, cơ quan chủ trì để thực hiện 17 mục tiêu PTBV Việt Nam đến năm 2030 với 117 chỉ tiêu như: đến 2030, tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 60%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng hơn 2,5 đến 3 lần so với năm 2020; tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người 7500 USD; trị giá hàng hóa xuất khẩu tăng trưởng bình quân 5 - 6%/năm giai đoạn 2026 - 2030;... (Thủ tướng Chính phủ, 2023).

PTBV được biểu hiện trên ba trụ cột cơ bản là: kinh tế, xã hội và môi trường. Ba lĩnh vực chủ yếu này có mối quan hệ biện chứng với nhau. Kinh tế tạo nguồn lực để nâng cao đời sống xã hội, nhưng nếu tăng trưởng thiếu kiểm soát sẽ gây suy thoái môi trường. Ngược lại, môi trường là nền tảng cho sản xuất và sinh hoạt, nếu bị hủy hoại sẽ cản trở phát triển kinh tế và làm giảm chất lượng cuộc sống. Xã hội đóng vai trò điều tiết, định hướng các hoạt động kinh tế theo chuẩn mực công bằng và trách nhiệm với môi trường. "giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động", còn lao động biến những vật liệu đó "thành của cải" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1994, tr.641). Vì vậy, lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XIV, Đảng ta đã khẳng định: "Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập I, tr.26). Sự thống nhất giữa ba trụ cột này là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển lâu dài và ổn định của mỗi quốc gia trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng.

Giữa BĐKH và PTBV có mối quan hệ biện chứng với nhau. Biểu hiện:

Thứ nhất, BĐKH là hệ quả của mô hình phát triển thiếu bền vững. Trong quá trình sản xuất, con người khai thác tài nguyên thiên nhiên và phát thải khí nhà kính vào môi trường ngày càng lớn nhằm phục vụ tăng trưởng kinh tế. Việc vượt quá khả năng chịu tải của môi trường đã làm phá vỡ cân bằng sinh thái và trở thành nguyên nhân chủ yếu dẫn tới BĐKH. Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo: "chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù chúng ta." (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1994, tr.654).

Thứ hai, BĐKH là thách thức nghiêm trọng đối với PTBV. BĐKH tác động toàn diện đến cả ba trụ cột của PTBV: kinh tế, xã hội và môi trường. Về kinh tế, thiên tai và thời tiết cực đoan gây thiệt hại lớn cho cơ sở hạ tầng và các ngành sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên. Về xã hội, BĐKH làm gia tăng nghèo đói, bất bình đẳng và các rủi ro đối với sức khỏe cộng đồng, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương. Về môi trường, BĐKH làm suy thoái hệ sinh thái, đa dạng sinh học và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên – nền tảng vật chất của đời sống xã hội.

Thứ ba, PTBV là mục tiêu cơ bản để ứng phó với BĐKH, như Ph. Ăngghen đã nhắc nhở: “Chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong giới tự nhiên” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1994, tr.655). Thay vì khai thác và chinh phục tự nhiên, PTBV hướng tới thích ứng và chung sống hài hòa với tự nhiên, coi bảo vệ môi trường là điều kiện nền tảng cho sự phát triển lâu dài.

Thứ tư, thích ứng với BĐKH là nội dung cốt lõi của PTBV hiện nay. Trong bối cảnh BĐKH ngày càng gia tăng, thích ứng trở thành yêu cầu tất yếu để bảo đảm PTBV. Thích ứng không còn là phản ứng mang tính tự phát mà là quá trình chủ động, có chiến lược nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng chống chịu của các hệ thống tự nhiên và xã hội trước các tác động khí hậu.

Biến đổi khí hậu vừa là hệ quả của quá trình phát triển thiếu bền vững (phát thải khí nhà kính, phá rừng, khai thác tài nguyên quá mức), vừa là thách thức đối với mục tiêu PTBV khi gây ra thiên tai, suy giảm tài nguyên và ảnh hưởng đến đời sống xã hội. Ngược lại, PTBV chính là giải pháp căn cơ để ứng phó và thích ứng với BĐKH, thông qua việc cân bằng ba trụ cột: kinh tế xanh, xã hội công bằng và môi trường lành mạnh. Nếu phát triển không bền vững, BĐKH sẽ trầm trọng hơn; nếu kiểm soát tốt BĐKH, PTBV mới có thể đạt được mục tiêu.

3.1.2. Thực trạng ảnh hưởng của BĐKH tới PTBV ở Việt Nam hiện nay

Một là, BĐKH ảnh hưởng tới PTBV về kinh tế

BĐKH đang gây ra những tổn thất đáng kể đối với nền kinh tế Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2020, “trung bình mỗi năm các sự kiện khí hậu cực đoan gây thiệt hại khoảng 23.000 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD/năm)” (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.33). Nông nghiệp và an ninh lương thực là những lĩnh vực chịu tác động trực tiếp và rõ nét nhất của BĐKH do phụ thuộc chặt chẽ vào các điều kiện tự nhiên và thời tiết. BĐKH đang làm suy giảm năng suất cây trồng, thu hẹp diện tích đất canh tác và gia tăng thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp. Năm 2023, diện tích lúa bị thiệt hại do thiên tai và thời tiết cực đoan là 111.206 ha (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.23).

Đối với ngành thủy sản, nước biển dâng, xâm nhập mặn, ngập lụt và những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa làm biến đổi chất lượng nước và độ mặn, qua đó ảnh hưởng đến các hệ thống nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các vùng nuôi cá tra, tôm và thủy sản nước ngọt (Tran và cộng sự, 2022).

BĐKH cũng gây áp lực lớn đối với hạ tầng, giao thông và công nghiệp. Các hiện tượng như bão, lũ, ngập lụt và sạt lở có thể làm hư hỏng công trình, gián đoạn giao thông và hoạt động sản xuất, qua đó làm gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế (Ngân hàng Thế giới, 2022).

Hai là, BĐKH ảnh hưởng tới PTBV về xã hội

BĐKH không chỉ gây tổn thất về vật chất mà còn tác động sâu sắc đến đời sống xã hội, làm gia tăng nguy cơ mất sinh kế, di cư và bất ổn xã hội. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, hiện tượng xâm nhập mặn năm 2020 đã ảnh hưởng đến gần 340.000 ha lúa, 136.000 ha cây ăn quả, gần 160.000 hộ dân thiếu nước sinh hoạt (Nguyễn Thị Kim Nhung, 2021, tr.217). Khí hậu cực đoan tác động đến nền kinh tế và sinh kế của địa phương, dẫn đến gia tăng di cư. Khả năng thích ứng thấp là nguyên nhân làm tăng quyết định di cư (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.33).

Bên cạnh đó, BĐKH còn làm gia tăng bất bình đẳng xã hội và nguy cơ tái nghèo, bởi những nhóm có nguồn lực và khả năng thích ứng hạn chế thường chịu tác động nặng nề hơn. Chẳng hạn, phụ nữ và trẻ em gái có khả năng thích ứng và phục hồi trước tác động của BĐKH và thiên tai thấp hơn (UNDP, 2026, tr.9). Đối với giảm nghèo, tác động của thiên tai có thể làm đảo ngược những kết quả đã đạt được; thực tế cho thấy

cứ ba người thoát nghèo thì có một người tái nghèo do hậu quả của thiên tai (Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thái Lan, 2022, tr.67).

Không dừng lại ở đó, BĐKH còn đặt ra những thách thức lớn đối với sức khỏe cộng đồng. Các đợt nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại và sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan làm gia tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, hô hấp và các bệnh truyền nhiễm. Nghiên cứu cho thấy “tỷ lệ nhập viện ở trẻ dưới 5 tuổi do nhiễm khuẩn đường hô hấp tăng 3,8% khi nhiệt độ trung bình tăng thêm 1°C” (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.26). Đồng thời, thiên tai và các cú sốc môi trường cũng để lại những hệ lụy lâu dài đối với sức khỏe tinh thần, chất lượng cuộc sống và an sinh xã hội. Những mất mát về nhà cửa, sinh kế và môi trường sống do các sự kiện thời tiết cực đoan và các quá trình BĐKH chậm có thể gây ra cảm giác mất mát, đau buồn và bất an.

Ba là, BĐKH ảnh hưởng tới PTBV về môi trường

BĐKH đang làm suy giảm chất lượng môi trường và phá vỡ sự cân bằng của các hệ sinh thái tự nhiên, qua đó tác động trực tiếp đến nền tảng sinh thái của PTBV. “Việt Nam là một trong 16 quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao nhất thế giới” (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.22) nhưng cũng thuộc nhóm dễ bị tổn thương trước BĐKH. Sự gia tăng nhiệt độ, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan làm suy giảm diện tích rừng và hệ sinh thái ven biển, làm thu hẹp môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

Biến đổi khí hậu đang tác động mạnh đến hệ sinh thái biển và ven biển Việt Nam, đặc biệt là các vùng đất ngập nước và rừng ngập mặn. Sự gia tăng nhiệt độ nước biển, axit hóa đại dương và các hiện tượng thời tiết cực đoan làm suy giảm rạn san hô, thảm cỏ biển, biến đổi nguồn lợi thủy sản và làm suy giảm đa dạng sinh học biển (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2025, tr.21). Đại hội XIV đã tổng hợp: “Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ suy thoái đa dạng sinh học và sự mất cân bằng sinh thái. Những vấn đề về ô nhiễm môi trường gây ra các thách thức như: Suy thoái chất lượng rừng và mất chức năng phòng hộ; thách thức đối với vấn đề an toàn thực phẩm; cạn kiệt nguồn tài nguyên và gia tăng xung đột môi trường; thách thức về xâm lược sinh thái và an ninh môi trường xuyên biên giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập II, tr.250 - 251).

BĐKH còn làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm và suy thoái tài nguyên đất, nước. Xâm nhập mặn làm suy giảm chất lượng nguồn nước, trong khi lũ lụt và mưa cực đoan làm gia tăng phát tán chất ô nhiễm, xói mòn và rửa trôi đất, qua đó ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư.

BĐKH làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, sạt lở, hạn hán và xâm nhập mặn, gây tổn thất lớn về kinh tế, xã hội và môi trường. Điển hình, năm 2024 "siêu bão Yagi đã gây thiệt hại kinh tế ước tính 91.622 tỷ VNĐ và làm 519 người chết và mất tích. Các tổn thất và thiệt hại không chỉ giới hạn ở thiệt hại về kinh tế trực tiếp mà còn bao gồm các tổn thất phi kinh tế nghiêm trọng như mất đa dạng sinh học, xói mòn di sản văn hóa, suy giảm sức khỏe cộng đồng và các tác động tiêu cực đến an sinh xã hội" (UNDP, 2026, tr.9). Trong khi "Nguồn tài chính để giải quyết tổn thất và thiệt hại hiện chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước và Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn chỉ bù đắp được khoảng 30% thiệt hại và không đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng" (UNDP, 2026, tr.9).

Những ảnh hưởng của BĐKH tới môi trường tại Việt Nam mang tính hệ thống và cộng hưởng. Sự suy thoái của các hệ sinh thái và ô nhiễm tài nguyên không chỉ là vấn đề sinh thái đơn thuần mà còn là rào cản trực tiếp đối với các mục tiêu PTBV, buộc chúng ta phải thay đổi căn bản tư duy về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

3.2. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng tác động của BĐKH tới ba trụ cột PTBV ở Việt Nam, có thể rút ra một số thảo luận khoa học sau:

Thứ nhất, về cơ chế tác động lan truyền và sự cộng hưởng giữa ba trụ cột. Tác động của BĐKH không giới hạn ở từng lĩnh vực riêng lẻ mà có khả năng lan truyền giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Tổn thất ở một trụ cột có thể kéo theo hệ quả ở các trụ cột khác, tạo sức ép cộng hưởng và làm suy giảm tính bền vững của quá trình phát triển. Vì vậy, ứng phó với BĐKH cần được tiếp cận tổng thể, gắn kết đồng thời cả ba trụ cột của PTBV.

Thứ hai, mức độ tác động của BĐKH có sự khác biệt giữa các khu vực và nhóm dân cư. Những khu vực nhạy cảm và nhóm có nguồn lực thích ứng hạn chế thường chịu

nhiều rủi ro hơn. Điều này đặt ra yêu cầu bảo đảm tính công bằng, bao trùm và phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng nhóm đối tượng trong chính sách thích ứng.

Thứ ba, BĐKH đang đặt ra thách thức đối với tính bền vững của những thành quả phát triển. Vì vậy, thích ứng với BĐKH cần được lồng ghép xuyên suốt trong chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển nhằm nâng cao khả năng chống chịu và bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Từ thực tiễn trên, việc triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam là yêu cầu cấp thiết.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về ứng phó với BĐKH gắn với mục tiêu PTBV theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với BĐKH” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập II, tr.277). Theo tinh thần Đại hội XIV, cần chuyển mạnh từ tư duy ứng phó bị động sang chủ động phòng ngừa, thích ứng và phục hồi; từ khai thác tài nguyên thiếu bền vững sang sử dụng hiệu quả, bền vững, kiên định quan điểm không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập II, tr.67). Trên cơ sở đó, cần tăng cường lồng ghép yêu cầu thích ứng, giảm phát thải và bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, huy động nguồn lực cho hạ tầng thích ứng và phát triển xanh.

Thứ hai, thúc đẩy chuyển đổi xanh, giảm phát thải và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên. Cần đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên; khuyến khích công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất - tiêu dùng bền vững, phù hợp với định hướng “phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế, thân thiện với môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập II, tr.277). Đồng thời, tăng cường bảo vệ, phục hồi rừng và các hệ sinh thái tự nhiên nhằm nâng cao khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

Thứ ba, phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH. Trước hết, cần coi người dân không chỉ là đối tượng chịu tác động mà còn là chủ thể của quá trình thích ứng; qua đó nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó, phát huy tri thức địa phương kết hợp với khoa học - công nghệ và nhân rộng

các mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh, nâng cao khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng và tham gia các mô hình hợp tác công - tư. Bên cạnh đó, cần mở rộng hợp tác quốc tế nhằm huy động nguồn lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm phục vụ thích ứng với BĐKH. Sự tham gia và phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và các đối tác quốc tế sẽ góp phần nâng cao khả năng chống chịu và thực hiện các mục tiêu PTBV.

4. Kết luận

Biến đổi khí hậu vừa là thách thức lớn, vừa là động lực buộc Việt Nam phải thay đổi tư duy và mô hình phát triển. Để đạt được các mục tiêu PTBV trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, việc ứng phó với BĐKH phải được đặt ở vị trí trung tâm của các chiến lược phát triển. Bài viết đã làm rõ cơ chế tác động đa chiều của BĐKH lên ba trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường. Việc triển khai đồng bộ hệ thống giải pháp từ hoàn thiện thể chế, thúc đẩy chuyển đổi xanh, giảm phát thải, bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, đến phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH sẽ là chìa khóa quan trọng giúp Việt Nam vừa nâng cao khả năng chống chịu trước BĐKH, vừa bảo đảm phát triển nhanh và bền vững đất nước./.

Tài liệu tham khảo

C. Mác & Ph. Ăngghen. (1994). Toàn tập (Tập 20). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tr.641, tr.654, tr.655.

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2025). Báo cáo kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật), tr.33, tr.23, tr.33, tr.26, tr.22, tr.21.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tr.80, tr.26.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tr.250 - 251, tr.277, tr.67, tr.277.

Quyết định về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 (Số 841/QĐ-TTg, 2023). Thủ tướng Chính phủ.

<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=208253>

Ngân hàng Thế giới. (2022). Những điểm chính: Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển cho Việt Nam. <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam>

Nguyễn Thị Kim Nhung. (2021). BĐKH và thích ứng với BĐKH ở Việt Nam. Trong Phạm Quang Minh et al. (Chủ biên), Báo cáo Quốc gia Việt Nam, số 2/2021: Chính sách môi trường ở Việt Nam (tr.213-229). Nhà xuất bản Thanh niên, tr.217.

Nguyễn Tuấn Anh & Nguyễn Thị Thái Lan (Chủ biên). (2022). Thích ứng với BĐKH dựa vào cộng đồng. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.20, tr.67.

Tran et all. (2022). Foresighting future climate change impacts on fisheries and aquaculture in Vietnam. *Frontiers in Sustainable Food Systems*, 6, 829157.

UNDP (2026), Tăng cường sự sẵn sàng của Việt Nam trong giải quyết tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, tr.9, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2026-03/202603_ld_report_vnm-compressed_0.pdf.

United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC). (1992). United Nations Framework Convention on Climate Change. United Nations.

World Commission on Environment and Development. (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press, p.43.